

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LILI VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LILI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LILI VIET NAM SERVICE AND TRADING PRODUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109035138

**3. Ngày thành lập:** 23/12/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 30A Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá);	7310
2.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
3.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh	8299
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
5.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, tại địa điểm mà khách hàng yêu cầu như tiệc hội nghị cơ quan, doanh nghiệp, đám cưới, các công việc gia đình khác....	5621

6.	<p>Dịch vụ ăn uống khác</p> <p>Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống, ví dụ cung cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể. Đồ ăn uống thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng;</li> <li>- Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...;</li> <li>- Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự;</li> <li>- Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền.</li> <li>- Hoạt động cung cấp suất ăn công nghiệp cho các nhà máy, xí nghiệp.</li> </ul>	5629
7.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
8.	Trồng lúa	0111
9.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
10.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
11.	Trồng cây mía	0114
12.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
13.	Trồng cây lấy sợi	0116
14.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
15.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
16.	Trồng cây ăn quả	0121
17.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
18.	Trồng cây điều	0123
19.	Trồng cây hồ tiêu	0124
20.	Trồng cây cao su	0125
21.	Trồng cây cà phê	0126
22.	Trồng cây chè	0127
23.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
24.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
25.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trụ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
26.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
27.	<p>Bán buôn thực phẩm</p> <p>Chi tiết: Bán buôn cà phê</p> <p>Bán buôn chè</p>	4632(Chính)

28.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã);	1079
29.	Bán buôn đồ uống	4633
30.	Bán buôn tổng hợp	4690
31.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4711
32.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
33.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
34.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
35.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
36.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
37.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
38.	Đào tạo sơ cấp	8531
39.	Đào tạo trung cấp	8532
40.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
41.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
42.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
43.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
44.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
45.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100

46.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
47.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
48.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ	4784
49.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet ( Trừ đấu giá)	4791
50.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu ( Trừ đấu giá)	4799
51.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
52.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
53.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
54.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
55.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
56.	Thu nhập lâm sản khác trừ gỗ	0232

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN TUẤN TÚ	Tổ 17, đường Thượng Thanh, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	870	870.000.000	29,000	0250890000 25	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	870	870.000.000	29,000		
2	TRẦN THỊ NGỌC VÂN	Số 42 ngách 173/134 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.530	1.530.000.000	51,000	0361930028 92	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.530	1.530.000.000	51,000		

3	NGUYỄN MẠNH LINH	A605 Chung cư Tân Hoàng Minh, ngõ 30 Mai Anh Tuấn, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	450	450.000.000	15,000	0010820114 97
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	450	450.000.000	15,000	
			4	PHẠM MINH KHÁNH	Xóm Cầu, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	
Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0				0,000	
Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0				0,000	
Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0				0,000	
Các cổ phần ưu đãi khác	0	0				0,000	
Tổng số	150	150.000.000				5,000	

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN THỊ NGỌC VÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 04/03/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 036193002892

Ngày cấp: 14/08/2017

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 42 ngách 173/134 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 42 ngách 173/134 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội